



QUY TẮC BẢO HIỂM TAI NẠN CON NGƯỜI

(Ban hành kèm theo quyết định số 594/QĐ-VBI6
ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

Hợp đồng Bảo hiểm này cùng với Bản Tóm tắt Hợp đồng Bảo hiểm/ Giấy chứng nhận Bảo hiểm và các Sửa đổi Bổ sung của Hợp đồng Bảo hiểm sẽ được coi như là một hợp đồng và bất kỳ một từ hay thuật ngữ nào có nghĩa đặc trưng kèm theo thì từ ngữ ấy hay thuật ngữ ấy thì chúng luôn mang nghĩa đó trong toàn bộ Hợp đồng.

Người Tham gia Bảo hiểm và Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây được gọi là "Công ty Bảo hiểm") đồng ý rằng :

1. Người Tham gia Bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm.
2. Công ty Bảo hiểm nhận bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng Bảo hiểm này.
3. Điều kiện tiên quyết đối với bất kỳ trách nhiệm nào của Công ty Bảo hiểm là:
 - a. Người Tham gia Bảo hiểm và Người được Bảo hiểm phải thực hiện hoặc tuân thủ mọi điều kiện và điều khoản của Hợp đồng Bảo hiểm này.
 - b. Giấy yêu cầu bảo hiểm phải đảm bảo trung thực.



I. Phạm vi bảo hiểm

Nếu trong Thời hạn Bảo hiểm, Người được Bảo hiểm bị thương tật thân thể bất ngờ do tai nạn, xảy ra trong Giới hạn Địa lý, hoàn toàn độc lập với bất kỳ nguyên nhân nào khác, dẫn đến Tử vong, Thương tật hay làm phát sinh Chi phí Y tế mà có yêu cầu bồi thường cho các Quyền lợi đó, Công ty Bảo hiểm sẽ trả quyền lợi tương ứng cho Người được Bảo hiểm.

II. Các hoạt động bị loại trừ

1. Lặn dưới nước có sử dụng thiết bị lặn
2. Đắm bốc
3. Leo núi
4. Các hoạt động trên không, loại trừ đi lại bằng đường hàng không
5. Đá bóng
6. Môn thể thao bay lượn
7. Săn bắn
8. Phóng lao
9. Hockey trên băng
10. Đua mô tô
11. Đi xe máy
12. Nhảy dù
13. Môn bóng ngựa
14. Thám hiểm hang động
15. Đi thuyền máy
16. Đua các loại
17. Đua ngựa vượt rào
18. Môn nhào lộn trên không
19. Sử dụng máy móc làm mộc
20. Lướt ván và ảo thuật
21. Các môn thể thao mùa đông
22. Đấu vật
23. Bơi thuyền buồm cách xa bờ biển 5 km
24. Tham gia vào lực lượng hoặc các hoạt động hải quân, không quân, quân đội.

Các hoạt động trên phải là các hoạt động thể thao mang tính chất chuyên nghiệp



III. Các điểm loại trừ

Trừ khi có thỏa thuận khác, Công ty Bảo hiểm không chịu trách nhiệm đối với:

1. Thương tật thân thể

a. Xảy ra:

(i) Khi Người được Bảo hiểm tham gia (chơi hay tập luyện) vào bất kỳ Hoạt động Loại trừ nào được đề cập ở trên.

(ii) Đối với những người chưa đạt Giới hạn tuổi Dưới hay sau khi hết Thời hạn Bảo hiểm mà trong thời hạn đó những người đó đạt Giới hạn tuổi Trên;

b. Là hậu quả của:

(i) Người được Bảo hiểm tự tử hay có ý định tự tử, cố ý gây thương tích hoặc dẫn thân vào nơi nguy hiểm không cần thiết trừ khi với ý định cứu người;

(ii) Hành động phạm tội và tội ác của Người được Bảo hiểm ;

(iii) Người được Bảo hiểm bị ảnh hưởng bởi rượu trừ khi có thể chứng minh một cách thỏa mãn hợp lý cho Công ty Bảo hiểm rằng rượu không phải là yếu tố góp phần làm xảy ra thương tật;

(iv) Ngộ độc thức ăn hay đồ uống.

2. Tử vong Thương tật hay Chi phí Y tế do hoặc có thể quy cho Người được Bảo hiểm:

a. Đã sử dụng thuốc ảnh hưởng đến hệ thần kinh trừ khi Người được Bảo hiểm chứng minh được rằng họ đã sử dụng thuốc đúng theo đơn thuốc và theo sự chỉ dẫn y tế của bác sĩ và không phải là để điều trị nghiện thuốc.

b. Bị khiếm khuyết thân thể hay bị suy giảm thần kinh có từ trước mà không khai báo cho Công ty Bảo hiểm và không được Công ty Bảo hiểm chấp nhận bằng văn bản.

3. Tử vong Thương tật hoặc Chi phí Y tế do hoặc có thể quy cho Người được Bảo hiểm có thai hay bị ốm đau, bị bệnh tật không phải do thương tật thân thể gây ra, hoặc bị thương tật thân thể do nguyên nhân phát triển dần thành.

4. Tử vong Thương tật hoặc Chi phí Y tế trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi là kết quả của, hay có liên quan đến các hoạt động sau đây bất kể các nguyên nhân hoặc sự kiện nào khác tác động đồng thời hoặc theo bất kỳ trình tự nào khác đối với Tử vong Thương tật hoặc Chi phí Y tế:

a. Chiến tranh, xâm lược, hành vi thù địch của nước ngoài, chiến sự (dù có tuyên chiến hay không), nội chiến;

b. Nổi dậy, bạo động dân sự dẫn đến hoặc có tính chất là một cuộc nổi dậy của quần chúng, binh biến, khởi nghĩa, nổi loạn, cách mạng, hành động quân sự hoặc cướp quyền, thiết quân luật hay tình trạng bị bao vây hay bất kỳ sự kiện hay nguyên nhân nào xác lập lên tình trạng thiết quân luật hay tình trạng bị bao vây;

c. Hành động khủng bố;

Cho mục đích của Hợp đồng Bảo hiểm này, "hành động khủng bố" là hành động bao gồm nhưng không giới hạn ở việc sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực, của một cá nhân hay một nhóm người, hành động đơn lẻ hay đại diện cho hoặc có liên quan đến bất kỳ (các) tổ chức hay (các) chính phủ, vận động cho một bè phái chính trị, một tôn giáo, một ý thức hệ hay cho những mục đích tương tự bao gồm cả những mưu toan nhằm tác động đến chính phủ và/hoặc gieo rắc nỗi sợ hãi trong dân chúng hoặc một bộ phận dân chúng.

Điểm loại trừ này cũng áp dụng đối với những thương tật, chi phí và/hoặc phí tổn bất kỳ dù là trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi hay có liên quan đến bất kỳ hành động nào đã được thực hiện trong việc kiểm soát, ngăn ngừa, trấn áp hay bằng bất cứ cách nào có liên quan đến điểm loại trừ (a), (b), và/hoặc (c) kể trên.

Trong bất kỳ hành động hay quá trình kiện tụng nào mà Công ty Bảo hiểm do quy định những Điểm Loại Trừ được ghi trong các mục (a), (b) và (c) kể trên cho rằng thương tật, chi phí và/hoặc phí tổn nào đó là không thuộc trách nhiệm của Hợp đồng Bảo hiểm này thì việc chứng minh chúng thuộc phạm vi bảo hiểm phải do Người được Bảo hiểm thực hiện.

Trong trường hợp có bất cứ phần nào của điều khoản loại trừ này không có hiệu lực hoặc không thể thi hành, các phần còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực.

5. Tử vong Thương tật hoặc Chi phí Y tế trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi hay phát sinh từ hay là hậu quả của hay có thể quy cho:

- a. nguyên liệu vũ khí hạt nhân;
- b. (i) phóng xạ ion hóa hay nhiễm xạ từ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ chất thải hạt nhân do việc đốt cháy nhiên liệu hạt nhân. Riêng cho mục đích của điểm loại trừ 5(b) này sự đốt cháy sẽ bao gồm cả quá trình tự phân hủy của phản ứng phân hạch hạt nhân;
- (ii) tính phóng xạ, tính nổ hay các thuộc tính nguy hiểm khác của thành phần nổ hạt nhân.

6. Người được bảo hiểm đang bị bệnh tâm thần, bệnh phong.

7. Người được bảo hiểm đang bị tàn phế hoặc thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên.

IV. Quyền lợi bảo hiểm

1. Tử vong

Số tiền trả trong trường hợp Tử Vong sẽ là số tiền quy định cho Quyền lợi Bảo hiểm 1 trên Bản Tóm tắt Hợp đồng Bảo hiểm/Hợp đồng Bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm.

2. Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Số tiền trả trong trường hợp Thương tật Toàn bộ Vĩnh viễn là số tiền quy định cho Quyền lợi Bảo hiểm 2 trên Bản Tóm tắt Hợp đồng Bảo hiểm/Hợp đồng Bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm.

3. Thương tật bộ phận vĩnh viễn

Số tiền trả trong trường hợp Thương tật Bộ phận Vĩnh viễn sẽ là tỷ lệ phần trăm trên số tiền bảo hiểm tương ứng với số tiền quy định tại Phụ lục 1 đính kèm quy tắc bảo hiểm này và không vượt quá số tiền quy định cho Quyền lợi bảo hiểm 3 trên Bản Tóm tắt Hợp đồng Bảo hiểm/Hợp đồng Bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm.

Số tiền tối đa của quyền lợi phải trả nếu Người được Bảo hiểm bị nhiều hơn một thương tật bộ phận là 100%.

4. Quyền lợi chi phí y tế

Quyền lợi này sẽ được chi trả lên tới số tiền đã lựa chọn cho một năm bảo hiểm, quy định tại Quyền lợi Bảo hiểm 4 trên Bản Tóm tắt Hợp đồng Bảo hiểm/Hợp đồng Bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm, cụ thể:

- Chi phí y tế thực tế hợp lý điều trị thương tật do tai nạn bao gồm: Tiền viện phí, tiền chụp X quang, tiền thuốc dùng cho điều trị, tiền xét nghiệm, tiền phòng và các chi phí điều trị theo chỉ định của bác sĩ điều trị. Các chi phí này đều phải có hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.
- Trừ khi có thỏa thuận khác, trợ cấp ngày điều trị thương tật tạm thời: 0,1% số tiền bảo hiểm/ngày, số ngày trợ cấp tối đa không quá 180 ngày/năm bảo hiểm. Trường hợp tham gia bảo hiểm dài hạn/ngắn hạn, số ngày tối đa được hưởng trợ cấp điều trị sẽ được xác định cụ thể:

$$\text{Số ngày tối đa} = \frac{\text{Số ngày tham gia bảo hiểm}}{365 \text{ ngày}} \times 180 \text{ ngày}$$

Tổng số tiền chi trả cho thương tật tạm thời không vượt quá số tiền chi trả theo tình trạng thương tật quy định tại Quy tắc bảo hiểm này.

V. Giải nghĩa

Cho mục đích của Hợp đồng Bảo hiểm này:

- 1. Giấy yêu cầu bảo hiểm:** có nghĩa là bất kỳ Giấy yêu cầu nào được ký tên cùng với lời khai và bất kỳ thông tin nào bổ sung thêm hay thay thế cho Giấy yêu cầu bảo hiểm được cung cấp bởi hay thay mặt cho Người tham gia Bảo hiểm hay Người được Bảo hiểm.
- 2. Người Tham gia Bảo hiểm:** là Người chủ lao động, Người chủ, tổ chức hay những người nêu tên trên Bản Tóm tắt Hợp đồng Bảo hiểm/Hợp đồng Bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm.
- 3. Người được Bảo hiểm:** là mọi công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có tên trong Hợp đồng bảo hiểm và có độ tuổi từ 01 đến 70 tuổi;
- 4. Tai nạn:** là sự kiện bất ngờ, không lường trước, gây ra bởi một lực tác động từ bên ngoài, xảy ra ngoài sự kiểm soát của Người được bảo hiểm, phát sinh trong thời hạn bảo hiểm và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thương tật thân thể hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm
- 5. Leo núi:** có nghĩa là leo vách đá hay leo núi cần thiết phải sử dụng dây hay thiết bị hướng dẫn.
- 6. Đi lại bằng đường hàng không:** có nghĩa là bước lên, đang đi hoặc bước xuống bất kỳ máy bay chuyên chở hành khách có giấy phép đăng ký nào với tư cách là một hành khách chứ không phải với tư cách là một thành viên của phi hành đoàn hay với mục đích tham gia vào bất kỳ hoạt động kỹ thuật hay thương mại nào trên máy bay.
- 7. Bóng đá:** không bao gồm bóng đá nghiệp dư.
- 8. Đi xe mô tô:** bao gồm cả việc ngồi đằng sau xe.
- 9. Đi thuyền máy:** có nghĩa là việc sử dụng thuyền có trang bị động cơ công suất chạy hơn 30 hải lý một giờ.
- 10. Các cuộc đua:** không bao gồm đua bằng chân.
- 11. Máy móc làm mộc:** không bao gồm các dụng cụ xách tay được sử dụng bằng tay và chỉ sử dụng duy nhất cho mục đích cá nhân không vì mục đích lấy tiền công.
- 12. Các môn thể thao mùa đông:** không bao gồm các môn đánh bi trên tuyết hay trượt băng.
- 13. Đấu vật:** bao gồm cả môn võ Judo, Karate và bất kỳ hình thức chiến đấu tay không nào.

14. Mất các chi có nghĩa là:

- a. Trong trường hợp chân, mất do tách rời thân thể đến hoặc trên mắt cá chân hay mất chức năng sử dụng toàn bộ vĩnh viễn của toàn bộ một chân hay bàn chân.
- b. Trong trường hợp tay, mất do tách rời thân thể ít nhất là toàn bộ bốn ngón tay của một bàn tay hay mất chức năng sử dụng vĩnh viễn của toàn bộ một tay hay bàn tay.

15. Mất mắt: bao gồm cả trường hợp mất hoàn toàn và không thể phục hồi được thị lực.

16. Thương tật toàn bộ vĩnh viễn: có nghĩa là thương tật làm cho Người được Bảo hiểm hoàn toàn không thể tham gia làm nghề nghiệp hay làm bất cứ công việc gì và thương tật đã kéo dài 52 tuần liên tiếp tính từ ngày bị tai nạn mà không có hy vọng phục hồi khi kết thúc giai đoạn này.

17. Thương tật bộ phận: có nghĩa là Người được Bảo hiểm mất khả năng tham gia phần lớn công việc bình thường của mình.

18. Tiếp xúc với các yếu tố khí hậu thời tiết: Nếu Người được Bảo hiểm bị thương tật và sau đó do hậu quả của thương tật tử vong hay bị tàn phế do không tránh khỏi sự tiếp xúc với các yếu tố khí hậu thời tiết, Công ty Bảo hiểm sẽ xem việc tử vong hoặc sự tàn phế đó là do thương tật gây ra.

19. Giới hạn Địa lý: như ghi trên Bản Tóm tắt Hợp đồng Bảo hiểm/Hợp đồng Bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm.

VI. Các điều kiện

1. Ngay khi có thể thực hiện được và trong bất kỳ trường hợp nào, trong vòng 14 ngày kể từ khi xảy ra sự kiện có thể làm phát sinh khiếu nại theo Hợp đồng Bảo hiểm này thì thông báo bằng văn bản phải được gửi đến cho Công ty Bảo hiểm.

2. Tất cả các giấy chứng nhận, thông tin, và bằng chứng mà Công ty Bảo hiểm yêu cầu phải được cung cấp miễn phí và theo mẫu của Công ty Bảo hiểm quy định. Khi có yêu cầu, Người được Bảo hiểm phải giám định y khoa theo sự chỉ định của Công ty Bảo hiểm và với chi phí của Công ty Bảo hiểm khi có liên quan đến bất kỳ khiếu nại nào.

3. Công ty Bảo hiểm được miễn trách nhiệm khi Người được Bảo hiểm hay người đại diện hợp pháp của Người được Bảo hiểm đã nhận tiền bảo hiểm. Người được Bảo hiểm hay người đại diện hợp pháp của Người được Bảo hiểm không có quyền yêu cầu trả tiền bảo hiểm hay kiện tụng Công ty Bảo hiểm. Nếu Người Tham gia Bảo hiểm bao gồm nhiều bên cùng có quyền lợi trong Người được Bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm là tổng số tiền được trả cho tất cả các bên có quyền lợi theo Hợp đồng Bảo hiểm này.

4.
a. Quyền lợi Bảo hiểm sẽ không trả cho nhiều hơn các Quyền lợi 1, 2, 3 có liên quan đến cùng một tai nạn đối với bất kỳ một Người được Bảo hiểm nào.

b. Trước khi Quyền lợi Bảo hiểm 2 được trả thì Thương tật Toàn bộ Vĩnh viễn đã phải kéo dài trong vòng 52 tuần.

c. Không một khoản tiền nào được trả theo Hợp đồng Bảo hiểm này được tính lãi.

d. Không trả Quyền lợi Bảo hiểm chỉ do mất khả năng tham gia vào các môn thể thao hay giải trí.

5. Công ty Bảo hiểm không bị ràng buộc phải chấp nhận hay bị ảnh hưởng bởi bất kỳ thông báo nào về sự ủy thác giao phó trách nhiệm, ủy quyền, chuyển nhượng hay bất kỳ giao dịch khác có liên quan tới Hợp đồng Bảo hiểm này.

6. Nếu có tranh chấp phát sinh về số tiền chi trả theo Hợp đồng Bảo hiểm này (về phương diện khác trách nhiệm bồi thường đã được thừa nhận) thì sự tranh chấp đó sẽ được chuyển đến cho một trọng tài được chỉ định bởi các bên theo quy định của luật pháp. Nếu có tranh chấp theo điều kiện này được chuyển đến trọng tài thì phán quyết của trọng tài là điều kiện tiên quyết đối với quyền kiện tụng Công ty Bảo hiểm.

7. Các Quyền lợi theo Hợp đồng Bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực đối với các yêu cầu bồi thường:

a. đã được thực hiện và đã bị từ chối mà không có kháng nghị trong vòng ba năm kể từ khi bị từ chối hoặc:

b. đã được giải quyết bằng Trọng tài theo Điều Khoản số 6 của Hợp đồng Bảo hiểm này mà không có kháng nghị trong vòng ba năm kể từ khi trọng tài đưa ra phán quyết.

8. Người được Bảo hiểm phải thông báo cho Công ty Bảo hiểm biết về bất kỳ sự thay đổi quan trọng nào về Ngành nghề Hoạt động hay nghề nghiệp hay hoạt động của Người được Bảo hiểm và phải đóng phí bảo hiểm bổ sung theo yêu cầu của Công ty Bảo hiểm do có những thay đổi ấy.

9. Nếu bất kỳ một phần phí bảo hiểm hay phí bảo hiểm tái tục được tính toán trên cơ sở ước tính do Người được Bảo hiểm cung cấp thì Người được Bảo hiểm phải lưu giữ hồ sơ có tất cả các số liệu liên quan và tạo điều kiện cho Công ty Bảo hiểm kiểm tra hồ sơ tài liệu ấy. Trong vòng 01 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn bảo hiểm, Người được Bảo hiểm phải cung cấp các thông tin như thế khi Công ty Bảo hiểm yêu cầu, phí bảo hiểm hay phí tái tục bảo hiểm sẽ được điều chỉnh tương ứng.

10. Công ty Bảo hiểm có thể chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm này bằng thư đảm bảo thông báo cho Người Tham gia Bảo hiểm trước 30 ngày tới địa chỉ đăng ký cuối cùng của Người Tham gia Bảo hiểm, trong trường hợp đó Công ty Bảo hiểm sẽ hoàn trả cho Người Tham gia Bảo hiểm khoản phí bảo hiểm đã thanh toán sau khi trừ đi khoản phí bảo hiểm tính theo tỷ lệ thời gian tương ứng với thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm đã có hiệu lực.

Hợp đồng Bảo hiểm này cũng có thể được chấm dứt bởi Người Tham gia Bảo hiểm tại bất kỳ thời điểm nào bằng văn bản thông báo cho Công ty Bảo hiểm, trong trường hợp đó Công ty Bảo hiểm sẽ giữ lại khoản phí mà Công ty Bảo hiểm được hưởng cho thời gian Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực tính theo Biểu Phí Ngắn Hạn hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện là trong thời hạn bảo hiểm chưa đó có một khiếu nại nào được giải quyết.

11. Người Tham gia Bảo hiểm và Người được Bảo hiểm, bằng chi phí của riêng của mình, phải thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa hợp lý để ngăn ngừa tai nạn và tuân theo yêu cầu và nghĩa vụ theo luật định và tuân theo mọi kiến nghị hợp lý của Công ty Bảo hiểm.

12. Hợp đồng Bảo hiểm này tuân theo Luật pháp và Tập quán Việt Nam.



PHỤ LỤC.

BẢNG TỶ LỆ THƯƠNG TẬT CHI TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

TT	TÌNH TRẠNG THƯƠNG TẬT	TỶ LỆ PHẦN TRĂM TRÊN SỐ TIỀN BẢO HIỂM (%)	
		Tối thiểu	Tối đa
I – THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ			
1	Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt	-	100
2	Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được	-	100
3	Hỏng hoàn toàn chức năng nhai và nói	-	100
4	Mất hoặc liệt hoàn toàn hai tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc hai chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)	-	100
5	Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân, hoặc mất một cánh tay và một bàn chân, hoặc một cánh tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một bàn chân	-	100
6	Mất hoàn toàn khả năng lao động và làm việc (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến thương tật toàn bộ vĩnh viễn)	-	100
7	Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia	-	100
II – THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN			
A. Chi trên			
8	Mất một cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	75	85
9	Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	70	80
10	Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)	65	75
11	Mất trọn 1 bàn tay hay cả 5 ngón tay của một bàn	60	70
12	Mất 4 ngón tay trên một bàn	40	50
13	Mất ngón cái và ngón trỏ	35	45
14	Mất 3 ngón tay: Ngón trỏ, ngón giữa và ngón đeo nhẫn	30	35
15	Mất 1 ngón cái và 2 ngón khác	35	40
16	Mất 1 ngón cái và 1 ngón khác	30	35
17	Mất một ngón trỏ và 2 ngón khác	35	40
18	Mất 1 ngón trỏ và 1 ngón giữa	30	35

19	Mất 1 ngón cái và 1 đốt bàn	25	30
	- Mất 1 ngón cái	20	25
	- Mất cả đốt ngoài	10	15
	- Mất 1/2 đốt ngoài	07	10
20	Mất 1 ngón trỏ và đốt bàn	20	25
	- Mất 1 ngón trỏ	18	22
	- Mất 2 đốt 2 và 3	10	12
	- Mất đốt 3	08	10
21	Mất trọn 1 ngón giữa hoặc ngón đeo nhẫn (cả đốt bàn)	18	22
	- Mất 1 ngón giữa hoặc 1 ngón nhẫn	15	18
	- Mất 2 đốt 2 và 3	08	12
	- Mất đốt 3	04	7
22	Mất hoàn toàn 1 ngón út và đốt bàn	15	20
	- Mất cả ngón út	10	15
	- Mất 2 đốt 2 và 3	08	10
	- Mất đốt 3	04	7
23	Cứng khớp bả vai	25	35
24	Cứng khớp khuỷu tay	25	35
25	Cứng khớp cổ tay	25	35
26	Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25	35
27	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	35	45
28	Gãy xương cánh tay		
	- Can tốt, cử động bình thường	15	25
	- Can xấu, teo cơ	25	30
29	Gãy 2 xương hai cẳng tay		
	- Không phẫu thuật	12	20
	- Có phẫu thuật	20	25
30	Gãy 1 xương quay hoặc trụ		
	- Không phẫu thuật	10	15
	- Có phẫu thuật	15	25
31	Khớp giả 2 xương	25	35
32	Khớp giả 1 xương	15	20
33	Gãy đầu dưới xương quay	10	18
34	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ	8	15
35	Gãy xương cổ tay	10	18
36	Gãy xương đốt bàn (tuỳ mức độ 1 đến nhiều đốt)	8	15
37	Gãy xương đòn		
	- Can tốt	8	12
	- Can xấu, cứng vai	18	25
	- Có chèn ép thần kinh mũ	30	35

38	Gãy xương bả vai		
	- Gãy vỡ, khuyết phần thân xương	10	15
	- Gãy vỡ ngành ngang	17	22
	- Gãy vỡ phần khớp vai	30	40
39	Gãy xương ngón tay (tuỳ mức độ 1 đến nhiều ngón)	3	12
B. Chi dưới			
40	Mất một chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	75	85
41	Cắt cụt 1 đùi		
	- 1/3 trên	70	80
	- 1/3 giữa hoặc dưới	55	65
42	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	60	70
43	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	55	65
44	Mất xương sên	35	40
45	Mất xương gót	35	45
46	Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	35	45
47	Mất đoạn xương mác	20	30
48	Mất mắt cá chân		
	- Mắt cá ngoài	10	15
	- Mắt cá trong	15	20
49	Mất cả 5 ngón chân	45	55
50	Mất 4 ngón cả ngón cái	38	45
51	Mất 4 ngón trừ ngón cái	35	40
52	Mất 3 ngón 3-4-5	25	30
53	Mất 3 ngón 1-2-3	30	35
54	Mất 1 ngón cái và 2 ngón	20	25
55	Mất 1 ngón cái	15	20
56	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	10	15
57	Mất đốt ngón		
	- Mất 1 đốt ngón cái	8	12
	- Mất một đốt của 1 ngón khác ngoài ngón cái	3	5
	- Mất hai đốt ngoài của một ngón khác ngoài ngón cái	5	8
58	Cứng khớp háng	45	55
59	Cứng khớp gối	30	40
60	Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45	55
61	Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi		
	- Ít nhất 5 cm	40	45
	- Từ 3-5 cm	35	40
62	Liệt hoàn toàn dây thần kinh khoeo ngoài	35	45
63	Liệt hoàn toàn dây thần kinh khoeo trong	25	35
64	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới (trường hợp phải mổ được thanh toán mức tối đa)		

	- Can tốt	20	30
	- Can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	30	40
65	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi (trường hợp phải mổ được thanh toán mức tối đa)		
	- Can tốt, trục thẳng	25	35
	- Can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	35	45
66	Khớp giả cổ xương đùi	45	55
67	Gãy 2 xương cẳng chân (chày + mác)	20	30
68	Gãy xương chày	15	22
69	Gãy đoạn mâm chày	15	25
70	Gãy xương mác	10	20
71	Đứt gân bánh chè	15	25
72	Vỡ xương bánh chè (trường hợp mổ thanh toán tối đa)	10	20
73	Vỡ xương bánh chè bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	25	30
74	Đứt gân Achille (đã nối lại)	15	20
75	Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ 1 đến nhiều đốt)	7	12
76	Vỡ xương gót	15	25
77	Gãy xương thuyền	15	22
78	Gãy xương ngón chân (tùy mức độ 1 đến nhiều ngón)	4	12
79	Gãy ngành ngang xương mu	25	32
80	Gãy ụ ngồi	25	30
81	Gãy xương cánh chậu 1 bên	20	30
82	Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu (tùy mức độ ảnh hưởng đến sinh đẻ)	40	60
83	Gãy xương cụt		
	- Không rối loạn cơ tròn	10	15
	- Có rối loạn cơ tròn	25	35
C. Cột sống			
84	Cắt bỏ cung sau		
	- Cửa 1 đốt sống	35	40
	- Cửa 2 đến 3 đốt sống trở lên	45	60
85	Gãy xẹp thân 1 đốt sống (không liệt tuỷ)	30	40
86	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên (không liệt tuỷ)	45	60
87	Gãy vỡ mỏm gai hoặc mỏm bên		
	- Cửa 1 đốt sống	10	17
	- Cửa 2 đến 3 đốt sống	25	45
D. Sọ não			
88	Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)		
	- Đường kính dưới 6 cm	25	40

	- Đường kính từ 6 -10 cm	40	60
	- Đường kính trên 10 cm	50	70
89	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não		
	- Nói ngọng, nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	30	40
	- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	60	70
	- Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết (mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	55	70
90	Lột da đầu toàn bộ (một phần theo tỷ lệ)	45	55
91	Vết thương sọ não hở		
	- Xương bị nứt rạn	40	50
	- Lún xương sọ	30	40
	- Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	50	60
92	Chấn thương sọ não kín		
	- Vỡ vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương)	20	30
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, không có liệt dây thần kinh ở nền sọ	30	40
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, liệt dây thần kinh ở nền sọ	40	50
93	Chấn thương sọ não		
	- Chấn động não	8	15
	- Phù não	40	50
	- Giập não, bẹp não	50	60
	- Chảy máu khoang dưới nhện	40	50
	- Máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	30	40
E. Lồng ngực			
94	Cắt bỏ 1 đến 2 xương sườn	15	20
95	Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên	25	35
96	Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn	8	10
97	Gãy 1 đến 2 xương sườn	7	12
98	Gãy 3 xương sườn trở lên	15	25
99	Gãy xương ức đơn thuần (chức năng phân tim và hô hấp bình thường)	15	20
100	Mé hoặc rạn xương ức	10	15
101	Cắt toàn bộ một bên phổi	70	80
102	Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%	65	75
103	Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên	50	60
104	Cắt 1 thùy phổi	35	45
105	Tràn dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)	4	10

106	Tràn khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu mổ cầm máu)	20	30
107	Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	50	60
108	Khâu màng ngoài tim		
	- Phẫu thuật kết quả hạn chế	60	70
	- Phẫu thuật kết quả tốt	35	45
G. Bụng			
109	Cắt toàn bộ dạ dày	75	85
110	Cắt đoạn dạ dày	50	60
111	Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	75	85
112	Cắt đoạn ruột non	40	50
113	Cắt toàn bộ đại tràng	75	85
114	Cắt đoạn đại tràng	50	60
115	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	70	80
116	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	60	70
117	Cắt phân thùy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật	40	60
118	Cắt bỏ túi mật	45	55
119	Cắt bỏ lá lách	40	50
120	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	60	70
121	Khâu lỗ thủng dạ dày	25	35
122	Khâu lỗ thủng ruột non (tùy theo mức độ thủng 1 lỗ hay nhiều lỗ)	30	45
123	Khâu lỗ thủng đại tràng	30	40
124	Đụng rập gan, khâu gan	35	45
125	Khâu vỏ lá lách	25	35
126	Khâu tụy	30	35
H. Cơ quan tiết niệu, sinh dục			
127	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	50	60
128	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý	70	80
129	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	30	40
130	Chấn thương thận (tùy theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)		
	- Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	04	8
	- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	10	15
	- Nặng (có đụng rập, phải can thiệp ngoại khoa)	47	55
131	Cắt một phần bàng quang	27	35
132	Mổ thông bàng quang vĩnh viễn	70	80
133	Khâu lỗ thủng bàng quang	30	35

134	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người		
	- Dưới 55 tuổi chưa có con	70	80
	- Dưới 55 tuổi có con rồi	55	65
	- Trên 55 tuổi	35	40
135	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người		
	- Dưới 45 tuổi chưa có con	60	70
	- Dưới 45 tuổi có con rồi	30	40
	- Trên 45 tuổi	25	30
136	Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi		
	- 1 bên	20	30
	- 2 bên	45	55
	Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi		
	- 1 bên	15	20
	- 2 bên	30	40
I. Mắt			
137	Mất hoặc mù hoàn toàn một mắt		
	- Không lắp được mắt giả	55	65
	- Lắp được mắt giả	50	60
138	Một mắt thị lực còn đến 1/10	30	45
139	Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	12	20
140	Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	7	15
141	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn đã mất hoặc mù một mắt	80	90
K. Tai – Mũi – Họng			
142	Điếc 2 tai		
	- Hoàn toàn không phục hồi được	75	85
	- Nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	60	70
	- Vừa (nói to 1-2m còn nghe)	35	45
	- Nhẹ (nói to 2-4m còn nghe)	15	25
143	Điếc 1 tai		
	- Hoàn toàn không phục hồi được	30	40
	- Vừa	15	20
	- Nhẹ	8	15
144	Mất vành tai 2 bên	20	40
145	Mất vành tai 1 bên	10	25
146	Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20	25
147	Mất mũi, biến dạng mũi	18	40
148	Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	20	40
L. Răng – Hàm – Mặt			
149	Mất 1 phần xương hàm trên và 1 phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến mất hoàn toàn) từ cành cao trở xuống		
	- Khác bên	80	90
	- Cùng bên	70	80

150	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70	80
151	Mất một phần xương hàm trên hoặc một phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến mất hoàn toàn) từ cạnh cao trở xuống	35	45
152	Gãy xương hàm trên và hàm dưới can xấu gây sai khớp cắn nhai, ăn khó	30	35
153	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	15	25
154	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết tật xương	20	25
155	Mất răng		
	- Trên 8 cái không lắp được răng giả	30	40
	- Từ 5 đến 7 răng	15	25
	- Từ 3 đến 4 răng	08	15
	- Từ 1 đến 2 răng	03	6
156	Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	75	85
157	Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	50	60
158	Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15	25
159	Mất một phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10	15
M. Vết thương phần mềm, bỏng			
160	Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp...không ảnh hưởng tới cơ năng (tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít)	2	12
161	VTPM gây đau, rát, tê, co kéo (tùy theo mức độ rộng, hẹp, nhiều, ít) ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn. thần kinh	12	25
162	VTPM ở ngực, bụng ảnh hưởng đến hô hấp	35	45
163	VTPM để lại sẹo xơ cứng làm biến dạng mắt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	40	60
164	VTPM khuyết hồng lớn ở xung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống	50	60
165	Mất một phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	20	30
166	Bỏng nông (độ I, độ II)		
	- Diện tích dưới 5%	03	7
	- Diện tích từ 5 đến 15%	10	15
	- Diện tích trên 15%	15	25
167	Bỏng sâu (độ III, độ IV, độ V)		
	- Diện tích dưới 5%	20	35
	- Diện tích từ 5 đến 15%	35	60
	- Diện tích trên 15%	60	80

NGUYÊN TẮC XÉT TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc xét giải quyết trả tiền theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của nạn nhân và các quy định dưới đây:

- 1.** Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
- 2.** Trong trường hợp trước khi xảy ra tai nạn, người lao động chỉ có một mắt và nay mất nốt mắt lành còn lại thì được coi là thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
- 3.** Trường hợp bị dính các khớp ngón tay (trừ ngón cái và ngón trỏ) và các khớp ngón chân (trừ ngón cái) thì số tiền bồi thường chỉ bằng 50% số tiền bồi thường quy định trong trường hợp cụt ngón đó.
- 4.** Vết thương điều trị bình thường, vết thương không bị nhiễm trùng sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm quy định trong trường hợp này.
- 5.** Vết thương điều trị phức tạp, vết thương bị nhiễm trùng hoặc sau khi điều trị còn để lại di chứng thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm quy định trong trường hợp này.
- 6.** Trường hợp đa vết thương được trả tiền bảo hiểm cho từng vết thương nhưng tổng số tiền trả cho người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp đa vết thương ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các vết thương không được vượt quá tỉ lệ mất chi đó.
- 7.** Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% mức tối thiểu của thang tỉ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.
- 8.** Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không xác định được tỷ lệ suy giảm khả năng lao động, việc bồi thường sẽ được căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định y khoa.



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIETINBANK - VBI

A Tầng 10 - 11, Tòa nhà VietinBank,
126 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
T 1900 1566